

QUAN NIỆM VỀ VIỆT NAM HỌC

NGUYỄN PHONG NAM *

Tóm tắt: *Việt Nam học* hiện đang được giới nghiên cứu trong nước và nước ngoài quan tâm sâu sắc. Tuy vậy, đây lại là lĩnh vực đang gây nhiều tranh cãi. Các học giả người nước ngoài nghiên cứu Việt Nam vì nhiều lý do khác nhau. Còn người Việt Nam nghiên cứu Việt Nam vì đó là “quốc học”. Nghiên cứu Việt Nam phụ thuộc vào nhãn quan và tâm thế của người nghiên cứu. Do đó luôn tồn tại những cách thức tiếp cận khác nhau. Một hình ảnh chân thật về Việt Nam không bao giờ có được nếu chỉ nhìn từ một góc độ.

Từ khóa: Việt Nam học, quốc học, nghiên cứu, quan niệm, đặc điểm.

1. Kể từ khi nước ta bước vào quá trình hội nhập quốc tế đến nay, *Việt Nam học* (Vietnamese studies) là lĩnh vực được giới nghiên cứu trong nước và nước ngoài quan tâm sâu sắc. Điều này thể hiện rất rõ qua các hoạt động nghiên cứu cũng như số lượng công trình khoa học được công bố. Tuy vậy, xung quanh lĩnh vực này lại đang có sự khác biệt rất lớn trong quan niệm của các nhà nghiên cứu. Tựu trung, nổi lên hai vấn đề: *Việt Nam học* là gì (?) và, ở nước ta, Việt Nam học đang diễn tiến ra sao?

Việt Nam học là gì? Đây là câu hỏi không dễ trả lời, mặc dù thoát nhìn, có vẻ như mọi thứ đã rất hiển nhiên: *Việt Nam học là nghiên cứu Việt Nam*. Cái khó nằm ở việc xác định *đối tượng* của hoạt động nghiên cứu này. “Việt Nam” trong mối quan hệ với chủ thể (nhà khoa học) có thể hiểu là sự vật, hiện tượng (của

Việt Nam), lại cũng có thể hiểu là các đặc điểm, tính chất (những giá trị thuộc về Việt Nam), thậm chí chỉ là phương pháp nhận thức (đối với Việt Nam)... Điều này rất dễ dẫn đến một tình thế khá hài hước: Việt Nam học là “tất cả” - một ngành khoa học nghiên cứu về mọi thứ (miễn có gắn thêm định ngữ chỉ dân tộc); hoặc đơn giản, chỉ là cách nhận thức, hướng tiếp cận (một cái) “thế giới” được xác định về không gian.

Tuy nhiên, bất chấp những rắc rối và vướng mắc về thuật ngữ, trên thực tế, các công trình nghiên cứu Việt Nam cứ ngày mỗi nhiều; số người nghiên cứu ở các nước ngày càng đông thêm. Những nghiên cứu ấy đích thị là “Việt Nam học” chứ không thể gọi là cái gì khác được. Thế nên để trả lời câu hỏi “*Việt*

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Đà Nẵng.

Nam học là gì?” thì không thể định nghĩa hoặc truy tầm từ nguyên, mà đành phải đi theo con đường khác; chẳng hạn, phác thảo diện mạo lịch sử, miêu tả sự vận hành của nó, chỉ ra cái mục đích (trực tiếp hoặc gián tiếp) cần hướng tới của hoạt động nghiên cứu này.

Bàn về Việt Nam học, theo chúng tôi tốt nhất là nên bắt đầu từ hoạt động của giới nghiên cứu ở nước ngoài. Điều này không phải là trái khoáy vì họ tìm hiểu Việt Nam từ rất sớm. Cứ liệu thư tịch cho thấy, người Trung Quốc đã có chiến lược tiếp cận và thu tóm xứ này cách hàng nghìn năm về trước. Kế đến là người phương Tây với những cơ quan nghiên cứu quy mô lớn, được đầu tư nhiều tiền của và có nhiều thành tựu ngay từ thế kỷ XVII trở đi; rồi người Nga, người Nhật Bản, người Mỹ, trong khoảng thời gian từ nửa cuối thế kỷ XX đến nay cũng đã nghiên cứu Việt Nam một cách rất chuyên nghiệp, rất hiện đại.

Đối với những người nước ngoài, con đường nghiên cứu Việt Nam hầu như đều tiến triển theo một cơ chế khá giống nhau. Chúng tôi tạm gọi đây là cơ chế *thực nghiệp* (colonial). Chính hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của Việt Nam với những cuộc đụng đầu khốc liệt, kéo dài hàng chục, thậm chí hàng trăm năm là một trong những điều kiện chủ yếu để ngành Việt Nam học ở phía các “đối thủ” sớm hình thành và phát triển. Những cú “va đập” giữa các “trục” của thế giới mà

Việt Nam là đại diện (với Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Mỹ, Nga...) đã làm nảy sinh nhu cầu này. Nói cách khác, Việt Nam học là hoạt động nhận thức được nảy sinh từ những hiệu ứng lịch sử chính trị cụ thể. Nếu không có những điều kiện đó, chưa chắc đã có một nền tảng Việt Nam học sâu rộng và sớm như thế ở các nước này. Từ khởi nguồn, Việt Nam học ở ngoại quốc chủ yếu được tiến hành vì những mục tiêu vụ lợi khác, ngoài khoa học.

Có lẽ không cần phải chứng minh tính thực dụng, không mấy vô tư của Việt Nam học buổi sơ khai do người nước ngoài thực hiện. Sự thật hiển nhiên này cần được nhìn nhận với một thái độ sòng phẳng và điềm tĩnh. Trong điều kiện cụ thể của thế giới thời trung - cận đại, hầu như mọi sự giao tiếp từ bên ngoài đối với Việt Nam đều diễn tiến trên bối cảnh những mưu đồ chính trị. Các nhà khoa học ngoại quốc có thể ý thức về điều này ở những độ khác nhau, nhưng hầu như không mấy người bước chệch ra khỏi cái phong nền đó. Chẳng phải ngẫu nhiên mà các quốc gia dính líu nhiều đến Việt Nam lại có lực lượng chuyên gia hùng hậu, có những cơ sở nghiên cứu tiếng tăm và đạt nhiều thành tựu nhất; khoa học đã bị cuốn vào vòng xoáy của những mưu đồ chinh phục, thôn tính Việt Nam. Tất nhiên, không phải nhà khoa học nào cũng là những gã thực dân, trái lại, do bản chất của hoạt

động nghiên cứu khoa học (vốn là khách quan, phi vụ lợi) khiến cho nhiều khi công việc của họ vượt ra ngoài ý muốn, thậm chí chống đối lại nhà cầm quyền (đấy là chưa nói đến xu thế thời đại làm cho mục tiêu Việt Nam học càng ngày càng khác đi).

Với động cơ, mục đích như vừa kể thì tất cả mọi thứ thuộc về Việt Nam từ lịch sử, văn hóa, địa lý,... cho đến ngôn ngữ đều được các nhà Việt Nam học ngoại quốc quan tâm. Tuy vậy, có hai phương diện được chú ý nhiều nhất (và cũng có nhiều thành tựu nhất); đó là những nghiên cứu về các giá trị văn hóa - tư tưởng và những vấn đề thuộc về lịch sử - dân tộc. Điểm mấu chốt trong việc nhận thức Việt Nam vẫn là những gì thuộc về con người, xã hội.

Xét về quá trình, người Trung Quốc đáng được xếp đầu bảng trong lĩnh vực Việt Nam học. Họ tiếp cận đất nước, con người Việt Nam sớm nhất, quan tâm đến nhiều lĩnh vực nhất và cũng am hiểu nhiều thứ nhất. Thành tựu (và cũng là tai họa cho Việt Nam) mà họ đã tạo nên trong quá khứ được thể hiện qua vô số những cứ liệu, thư tịch hiện đang lưu giữ ở các thư khố, thư viện. Có thể kể đến các trường hợp: *Giao Châu ký* (có lẽ sớm nhất, ngay từ đời Tấn của Lưu Hân Kỳ); *Thủy kinh chú* (của Lịch Đạo Nguyên, thời Bắc Ngụy); *Phụng sứ An Nam thủy trình nhật ký* (của Hoàng Phúc, đời Minh); *An Nam chí nguyên*

(Cao Hùng Trưng, đời Nguyên); *An Nam tạp ký* (Lý Tiên Căn, đời Thanh)... Cái mạch nghiên cứu này còn kéo dài cho đến tận bây giờ, nhất là những vấn đề về lịch sử, địa lý, văn học.

Cũng cần lưu ý một điều, trong lịch sử, người Trung Quốc tìm hiểu về Việt Nam chủ yếu qua quá trình thôn tính, tức là tiếp cận theo cung cách, vị thế của kẻ chiếm đoạt. Hơn nữa, với lợi thế “đồng chủng, đồng văn”, có vẻ như họ không muốn bỏ vào đây quá nhiều công sức để nghiên cứu theo đúng nghĩa hoạt động khoa học. Ngoại trừ cái cách thức thường thấy là nhặt nhạnh tất cả những gì có thể chở được để mang về nước (thời trung đại) thì điều nổi trội nhất trong hoạt động này lại là tư tưởng Hán hóa. Bước sang thời hiện đại, phương thức tiếp cận nhìn chung có thay đổi, nhưng tư duy của một số người vẫn trượt theo lối mòn nếp này, khiến họ đưa ra những luận điểm sai lệch, ít giá trị. Vẫn có những tác giả dường như chỉ quan tâm đến mục tiêu chứng minh Việt Nam là một bản sao của Trung Quốc. Hiện tượng này diễn ra ở nhiều lĩnh vực mà rõ nhất là những vấn đề liên quan đến lịch sử, văn học⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Có thể xem trường hợp Đồng Văn Thành với bài báo “So sánh Truyện Kim Vân Kiều Trung Quốc và Việt Nam”, Tạp chí *Minh Thanh tiểu thuyết luận tùng*, số 4 (6/1986) và số 5 (9/1987) là một ví dụ điển hình.

So với người Trung Quốc, người phương Tây (chủ yếu là Pháp) đến Việt Nam muộn hơn. Tuy nhiên, họ lại tiến hành nghiên cứu một cách chuyên nghiệp và có nhiều thành tựu hơn hẳn so với hàng nghìn năm tiếp cận của người Trung Quốc. Chẳng hạn, về tổ chức có: *Viện Viễn Đông bác cổ* (được thành lập từ 1898, do những nhà nghiên cứu giàu kinh nghiệm kế tục nhau điều hành), *Hội Những người bạn cổ đô Huế* (ra đời năm 1913, chuyên nghiên cứu về văn hóa Huế, với bộ sách BAVH nổi tiếng)...; về học giả có thể kể đến các nhân vật như: Alexan de Rhodes, Leopold Cardiere, George Condominas, Jacques Dournes với các công trình nghiên cứu về chữ quốc ngữ, dân tộc học, văn hóa Tây Nguyên...

Thực ra, trong cái nhìn của người phương Tây, Việt Nam là một bộ phận thuộc “viễn đông” - một khái niệm mang nhiều ý nghĩa không gian (địa lý); nó không thật sự tách bạch với những Lào, Campuchia (Đông Dương), các nước thuộc tiểu vùng Mêkông. Cách tiếp cận của các học giả này có nhiều điểm khác so với người Trung Quốc. Với họ, mặc dù cũng nhằm mục đích thực dụng, thực dân, nhưng Việt Nam trong mắt người phương Tây là một hiện tượng hoàn toàn mới lạ, thậm chí là “kỳ cục”. Vì thế cách thức, quan điểm tiếp cận trước hết và chủ yếu là nhằm giải

mã ẩn số *Việt Nam*. Trong cái mạch nghiên cứu của người phương Tây vừa có mục đích chiếm đoạt vừa có mục đích thỏa mãn tâm lý tiếp xúc “xứ lạ”.

Người Mỹ đến Việt Nam muộn nhất và những hoạt động nghiên cứu của họ phát triển rất mạnh kể từ trong và sau cuộc chiến 1954 -1975. Cách tiếp cận của người Mỹ thoát nhìn có nhiều điểm khác với thực dân Pháp nhưng thực ra bản chất thì cũng như vậy. Người Pháp đến Việt Nam với chiêu bài khai hóa thuộc địa, truyền bá văn minh cho những người bản xứ; họ cần hiểu rõ tình hình để cải biến con người, xã hội ở xứ sở bán khai này. Còn người Mỹ, với tính cách trịch thượng của kẻ mang ảo tưởng tạo lập thế giới “tự do” theo mô hình đã được lập trình, lại tiếp cận Việt Nam theo lối áp đặt. Đây là một sai lầm nghiêm trọng và đương nhiên phải trả giá đắt. Kết thúc cuộc chiến 1954 - 1975 đã khiến cho người Mỹ bị sốc và nó khiến giới nghiên cứu cũng phải thay đổi cách tiếp cận. Cũng vì thế mà câu hỏi “*Why Vietnam?*” trở thành vấn đề bao trùm của hoạt động nghiên cứu thời hậu chiến⁽²⁾. Cái quan trọng nhất đối với giới Việt Nam học ở Mỹ là cách lý giải,

(2) “*Why Vietnam: Prelude to America's Albatross*” - tiêu đề cuốn hồi ký của tác giả người Mỹ, Aachimdes L. A. Patti, xuất bản vào năm 1980, đã được Lê Trọng Nghĩa dịch, Nxb Đà Nẵng ấn hành.

nhận thức về một *bài học lịch sử*. Như vậy, cả người Pháp và người Mỹ trong quá trình tiếp cận Việt Nam, dù biểu hiện có thể khác nhau song mục đích cốt lõi thì cũng chỉ là một.

Tất nhiên như đã nói, không phải mọi nghiên cứu về Việt Nam của người nước ngoài đều để phục vụ mục tiêu xâm lược; cũng không phải mọi học giả đều thuộc về các guồng máy cướp bóc. Nhiều trí thức chân chính ở các quốc gia (thậm chí ngay cả ở những nước vốn là cừu địch như Trung Quốc, Pháp, Mỹ...) đã nghiên cứu Việt Nam vì mục đích khoa học thực sự. Đến với Việt Nam, họ mong muốn khám phá một phần của nhân loại, của thế giới. Việt Nam là một bộ phận của thế giới; có một nền văn hóa dung hợp nhiều loại giá trị; đó là một đất nước trải qua rất nhiều hình thái, thể chế, chế độ xã hội, với nhiều kỳ tích không thể hình dung được... Đất nước, dân tộc đó rõ ràng có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với bất cứ ai. Họ đã có những khám phá thú vị, những đóng góp quan trọng cho khoa học.

Có một thực tế là, các học giả ngoại quốc (nhất là người phương Tây) khi tiếp cận Việt Nam thường thực hiện rất tốt khâu tư liệu; sưu tầm đầy đủ, khảo tả công phu, lưu trữ cẩn thận. Tuy vậy, do bị chi phối bởi tâm thế hiếu kỳ, kỳ thị nên điều họ quan tâm và phát hiện luôn có thiên hướng theo đuổi cái khác

thường. Chính tâm lý này đã ảnh hưởng không ít tới chất lượng sản phẩm.

Cái tâm lý “kỳ thị”, “hiếu kỳ” trong nghiên cứu mà một số học giả phương Tây đã cảm nhận được và cố tìm cách thoát ra là điều có thực. Có thể kể đến trường hợp nhà dân tộc học người Pháp G. Condominas như một ví dụ mang tính điển hình. Nhà khoa học này đã tự cải biến thành một người dân tộc M’Nong Gar “chính hiệu” trong nhiều năm để sống, chiêm nghiệm và nghiên cứu. Cũng chính từ hoàn cảnh như vậy, ông mới nghiệm thấy sự hạn chế của các phương pháp luận nghiên cứu đương thời. Cái hạn chế đó bắt nguồn từ nhân quan, từ chỗ đứng để nhận thức. Trong tác phẩm có cái tên rất ấn tượng, *Kỳ lạ mỗi ngày*, công trình khảo cứu về dân tộc M’Nong Gar ở Tây Nguyên, Condominas có dành một phần để nói đến tâm thế khi nghiên cứu⁽³⁾. Ông cho rằng (đối với người nghiên cứu gốc Âu Châu), dù có nỗ lực cách gì thì anh ta cũng khó thoát được ám ảnh của “văn hóa nền” (văn hóa mẹ đẻ) đối với đối tượng nghiên cứu. Họ bao giờ cũng lấy bảng giá trị (văn hóa) của mình làm cơ sở để so sánh với đối tượng nghiên cứu. Đây là một

⁽³⁾ Georges Condominas (1921-2011), nhà dân tộc học người Pháp. Tiểu luận *Kỳ lạ mỗi ngày* đã được giới thiệu trên chuyên san *NgokLinh*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Khoa học xã hội & nhân văn Đại học Đà Nẵng, số 1 (3/2001).

trạng thái tinh thần mà người nghiên cứu, vì nhiều lý do, rất khó thoát khỏi. Và với những cơ chế văn hóa đặc thù, với sự khác biệt rất lớn về hình thái xã hội, đương nhiên học giả Châu Âu có khuynh hướng thiên về việc nắm bắt cái “kỳ lạ”, “dã man” của người bản xứ (kể cả người Thượng lẫn người Kinh). Những bình luận của Condominas về tình trạng này là rất đáng lưu ý bởi nó phản ánh khá sát hợp với thực tế nghiên cứu Việt Nam của học giới ngoại quốc. Tất nhiên, khi nhận thức được như thế thì Condominas đã vượt lên được rào cản tâm lý để có một nhãn giới thích hợp (và thực tế công trình *Kỳ lạ mỗi ngày* đã chứng minh). Tuy vậy, tính chất “hiếu kỳ” trong giới nghiên cứu ngoại quốc là một thực tế có tính phổ biến.

Như vậy, nhìn từ bên ngoài, có thể coi Việt Nam học là một hoạt động nghiên cứu của giới học giả nhằm nhận thức một đối tượng có tính tổng hợp, với những mục đích khác nhau. Việt Nam học do vậy là một lĩnh vực hoạt động rất phong phú, đa dạng và phức tạp.

2. Ở nước ta, Việt Nam học đã phát triển như thế nào? Đây cũng là một câu hỏi gây nhiều tranh cãi. Một số người cho rằng, so với thế giới, thành tựu về Việt Nam học của người Việt Nam còn quá khiêm tốn, thậm chí nếu nhìn nhận một cách nghiêm túc, chúng ta chưa có một ngành Việt Nam học đúng nghĩa.

Sự hạn chế của lĩnh vực nghiên cứu này thể hiện ở chỗ, phương pháp tiếp cận lạc hậu cũ mòn; thành tựu chưa nhiều; giá trị khoa học không cao; những nghiên cứu đạt tầm cỡ quốc tế, theo chuẩn mực quốc tế còn thiếu vắng... Nói cách khác, có một khoảng cách khá xa giữa nội địa và bên ngoài trong giới nghiên cứu về Việt Nam.

Nếu nói rằng ở Việt Nam hoạt động nghiên cứu chưa đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống, còn nhiều “khoảng trống học thuật”, chưa được khám phá một cách đầy đủ thì điều đó là đúng; nhưng coi Việt Nam học tại “chính quốc” như thế đang ở dạng sơ khai là không thỏa đáng. Nhận định như thế là thiếu khách quan và không công bằng. Thực tế là, ở nước ta Việt Nam học đã có một quá trình phát triển rất lâu dài và thành tựu mà các thế hệ trí thức người Việt Nam xây đắp nên cũng không đến nỗi sơ sài. Nói theo cách của tiền nhân, thời phong kiến, “các bậc vua chúa, các quan công khanh và đại phu, chẳng ai là không để tâm trí vào việc học thuật” (Phan Phu Tiên); giới sĩ lâm nước nhà “đời nào cũng có, văn chương nảy nở như rừng. Nếu chẳng phải trải qua cướp bóc, đốt phá mà hóa tro tàn, thì hẳn là trâu kéo đến toát mồ hôi, chứa đầy đến tận xà nhà” (Phan Huy Ích). Đấy hẳn nhiên không phải là lối nói khoa trương, cường điệu. Nhưng đáng tiếc là các công trình

trú tác học thuật cũ còn lại không nhiều. Mà còn nhiều làm sao được khi đất nước phải thường xuyên đối mặt với chính sách tận diệt văn hóa của kẻ xâm lược (!). Trải qua hàng nghìn năm binh hỏa can qua, dân tộc tồn tại được đến giờ đã là kỳ tích. Cái sự bảo tồn được văn hóa Việt Nam như thế không thể nói là thiếu vắng vai trò của “Việt Nam học” (mà đúng ra nên gọi là “quốc học”). Dĩ nhiên, cần hình dung hoạt động này theo một cách nhìn khoáng đạt hơn, nghĩa là không thể chỉ có một “kiểu” nghiên cứu (như thao tác của học giả hiện đại), cũng không chỉ có một dạng sản phẩm (bằng sách vở) mà còn nhiều dạng khác nữa (thậm chí sản phẩm ở dạng “vô ngôn”, tiềm ẩn, phi vật thể...).

Nếu nhìn sang thời hiện đại, nhất là từ giữa thế kỷ XX lại đây, thành quả Việt Nam học (theo lối của người Việt Nam) được thực hiện ở cả hai miền Nam - Bắc, cả trong nước lẫn nước ngoài lại càng phong phú, đa dạng. Tôi cho rằng trong lĩnh vực Việt Nam học, quả có cái gọi là *insiders* (nhận thức nội tại) và *outsiders* (tìm hiểu từ bên ngoài), song sự khu biệt ở đây rất mong manh; hơn nữa sự khác biệt chủ yếu cũng nằm ở quan niệm và tâm thức văn hóa chứ không tùy thuộc vào giới hạn không - thời gian (của chủ thể); tức là không bị hạn định vào biên giới quốc gia hay chủng tộc của nhà nghiên cứu. Và do

đó, số lượng học giả, số lượng công trình trú thuật của người Việt Nam là không dễ gì kể đếm hết được; trong cái "biển" văn bài đó cũng không hẳn toàn những thứ tầm thường. Vậy thì, một nhận định theo lối đối lập giữa Việt Nam học “trong nước” và “nước ngoài”, vô hình trung đã phô bày một dạng thái tư duy có phần tự ti không cần thiết trong nghiên cứu khoa học.

Trên một phương diện khác, rất khó để so sánh những công trình nghiên cứu Việt Nam học thuộc dạng *insiders* và *outsiders* hơn kém nhau như thế nào. Ở đây không thể lấy một công trình nào đó làm (cái) chuẩn mực để rồi dùng làm thước đo định giá trị cho công trình khác được. Điều duy nhất có ý nghĩa khi đặt các công trình bên cạnh nhau chỉ là để *tham chiếu* chứ không phải là xếp thứ hạng. Bởi vì sự khác nhau giữa các công trình theo lối *insiders* và *outsiders* thực chất là biểu hiện của sự phong phú, đa dạng về cách tiếp cận và mục tiêu nghiên cứu chứ không phải là độ vênh giữa chuẩn mực và lệch chuẩn (cho dù chúng đều đề cập đến cùng một đối tượng).

Nếu so sánh giữa cái gọi là Việt Nam học của người nước ngoài với nghiên cứu của người Việt Nam về chính đất nước, dân tộc mình (chủ yếu trong lĩnh vực xã hội và nhân văn), thì đúng là có nhiều điểm khác biệt. Điều này, như đã

nói, có nguyên do từ tâm thế và mục tiêu của hoạt động nghiên cứu. Đối với học giả người Việt Nam, nghiên cứu về dân tộc mình là một hoạt động nghiên cứu đặc thù, là *ngiên cứu quốc học*, chứ không thuần túy là một hoạt động nhằm để nhận thức, chiếm lĩnh (như với một đối tượng khoa học bất kỳ nào). Nhà khoa học Việt Nam tiếp cận và xử lý những vấn đề cụ thể (thuộc lĩnh vực quốc học) không giống như cái cách một học giả ngoại quốc thực hiện, cho dù những công cụ, phương pháp được sử dụng hoàn toàn giống nhau chẳng nữa. Bởi vì, đối với hoạt động của người nghiên cứu điều quan trọng nhất nhiều khi lại nằm ở chỗ *nhận biết để làm gì* (?), tức là hướng đến giá trị thực tiễn.

Thực ra, giữa Việt Nam học (ở nước ngoài) và nghiên cứu quốc học không phải là không có những điểm tương đồng. Dù là học giả ngoại quốc hay nhà khoa học người Việt Nam thì khi thực hiện hoạt động nghiên cứu, mỗi quan tâm cũng đặt vào một đối tượng với những sự vật, hiện tượng ấy mà thôi. Và với đối tượng như thế, các phương pháp tiếp cận không phải không có những điểm chung. Tuy nhiên, chính cái điểm mấu chốt (tâm thế, mục tiêu, quan niệm...) lại khiến cho hai phương thức nghiên cứu trở nên có nhiều khác biệt quan trọng.

Thông thường, các nhà nghiên cứu

người Việt Nam tiếp cận đối tượng theo hai xu hướng có vẻ trái ngược nhau. Một mặt, tập trung vào các chuyên ngành, các lĩnh vực chuyên sâu. Sự phân xuất này theo thời gian ngày càng cụ thể, thu hẹp dần. Chẳng hạn như, khi nghiên cứu văn hóa, trong chiều hướng vận động của loại hình nghiên cứu này, có tình trạng chuyển dần sự quan tâm đến những vấn đề có tính chuyên biệt; các đối tượng nghiên cứu ngày càng được xác định tách bạch hơn, sâu hơn (không dừng ở những nghiên cứu có tính chất đại cương, khái luận nữa mà đi sâu vào từng yếu tố của văn hóa Việt Nam). Đây là một hướng phát triển có tính tất yếu bởi nó phát huy được lợi thế của người bản xứ khi nghiên cứu quốc học. Trong nghiên cứu khoa học, càng chuyên sâu thì càng tinh sắc. Tất nhiên là, muốn chuyên sâu thì cần có những điều kiện đảm bảo nhất định (kiến thức chuyên môn, tiềm năng văn hóa, sự thông thuộc ngôn ngữ...).

Mặt khác, lối nghiên cứu hỗn dung, tổng hợp trên một đối tượng giới hạn về không - thời gian cũng đang được sử dụng khá rộng rãi và có những thành tựu tốt đẹp. Đây cũng là phương pháp tiếp cận được các học giả ngoại quốc ưa thích và có vẻ là sở trường của họ. Những nghiên cứu có tính chất liên ngành này không phải là sự quay về trạng thái “bất phân” thuở sơ khai của

hoạt động khoa học, mà là sự tương hỗ, hỗ trợ trong nghiên cứu.

Trên thực tế, cả hai xu hướng nghiên cứu này đều hàm chứa trong những điểm hạn chế vốn có. Trong nghiên cứu khoa học không có phương pháp nào là hoàn hảo. Cũng vì thế, nếu nói rằng ngành Việt Nam học ở nước ta chưa phát triển, nghiên cứu quốc học của chúng ta còn lạc hậu về phương pháp thì đó là một khái quát không thuyết phục.

Ở Việt Nam, nghiên cứu quốc học thường chỉ tập trung vào những vấn đề thuộc lịch sử - văn hóa - tư tưởng. Công việc này ban đầu được thực hiện bởi các bậc nho sĩ, trí thức có uy vọng lớn hoặc là các tổ chức thuộc Nhà nước (Quốc sử quán, Hàn lâm viện), các học phái... Đây là một hiện tượng đáng quan tâm bởi nó liên quan đến một điểm có tính chất cốt yếu trong nghiên cứu Việt Nam: quan niệm và yêu cầu của thực tiễn cuộc sống. Từ xưa đến nay, nghiên cứu quốc học của chúng ta về cơ bản là một hoạt động mang nặng tính thực tế, thậm chí là thực dụng. Nó không phải là một công việc mang tính học thuật thuần túy, mà là một hoạt động nhận thức vì sự tồn vong của dân tộc. Nhiệm vụ chủ yếu của nó là chứng minh và khẳng định các giá trị Việt Nam. Nhà nghiên cứu, bậc thức giả thực hiện hành vi của mình với một nhãn quan nghiên cứu và một *tâm thế công dân* đặc biệt. Chính điều này dần

dần sẽ kéo theo những sự khác biệt quan trọng ở hoạt động của giới nghiên cứu trong nước và nước ngoài.

Đọc các công trình trứ tác của tiền nhân thời trung đại về lịch sử và văn hóa dân tộc, không khó để nhận ra cái tinh thần bao quát chủ yếu trong đó. Xuyên suốt toàn bộ là một cuộc đối thoại giả định (ngầm đối thoại) nhằm khẳng định những giá trị truyền thống, đề cao văn hiến Việt Nam. Tinh thần này cũng được truyền nối sang cả thời hiện đại, với những biểu hiện thực ra cũng không khác mấy so với trước, đây là mục tiêu khẳng định *bản sắc Việt Nam*.

Do đòi hỏi của thực tế, hoạt động nghiên cứu quốc học luôn được tiến hành trong sự chi phối sâu sắc của điều kiện lịch sử xã hội. Điều này ảnh hưởng rất lớn (thậm chí có khi còn mang tính quyết định) đến việc hình thành nên tâm thế, nhãn quan của nhà nghiên cứu. Trước áp lực phải làm sao vượt thoát ra khỏi sự “diệt chủng văn hóa”, nghiên cứu quốc học chỉ có một lối đi duy nhất là *khẳng định* giá trị Việt Nam; phương pháp phổ biến nhất là *đối lập* với các đối tượng khác (đối lập *Ta* với *Người*) để tìm ra “bản sắc”, nét độc đáo. Không chỉ trong văn hóa, nghệ thuật mà thậm chí cả trong những lĩnh vực đòi hỏi một thái độ khách quan nghiêm ngặt như xã hội học, sử học... cũng thường xảy ra tình hình như vậy. Chính sự tập trung trong

điểm nhìn, sự ưu ái trong quan sát, lựa chọn; trong thái độ quán chiếu, đánh giá... đã dẫn đến tình trạng ấy.

Rõ ràng là, sự ưu ái, ưu tiên, thậm chí thiếu khách quan trong nghiên cứu quốc học là một thực tế (dù biểu hiện ở từng trường hợp có khác nhau). Tuy nhiên, cần thấy rằng đó không hẳn do định kiến hay sai lầm về phương pháp, mà do quan niệm và tâm thế nghiên cứu. Chính các học giả người Việt đã nhận thấy và bàn luận rất thấu đáo về hiện tượng này từ lâu chứ không phải chờ đến khi có điều kiện đối chiếu với công trình của học giả ngoại quốc. Những nghị luận của Lê Quý Đôn, Vũ Khâm Lâm, Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phan Chu Trinh, Phan Khôi, Hoàng Xuân Hãn... về nghiên cứu quốc học của học giới nước nhà là rất xác đáng. Dù ở thời nào thì "tính mục đích" trong nghiên cứu quốc học cũng là điều không thể không tính đến. Tất nhiên, như thế không có nghĩa là bất chấp thực tế khách quan, cố chứng minh một cách khiên cưỡng cái hay cái tốt của Việt Nam. Nhưng đây lại là một câu chuyện khác, câu chuyện về phương pháp chiếm lĩnh, về năng lực chuyên môn, bản lĩnh của nhà nghiên cứu. Điều đang bàn ở đây là *đặc điểm* của hoạt động nghiên cứu Việt Nam học.

Dù sao, trong nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn, cái gọi là "tính khách

quan" cần được hiểu với ý nghĩa tương đối. Nó không thể giống như nghiên cứu những vấn đề về tự nhiên, hay những giải pháp kỹ thuật, công nghệ. Bởi thế, nên coi sự hiện diện của cái tâm thế, nhãn quan nghiên cứu trong công trình Việt Nam học là một *đặc điểm* chứ không phải là biểu hiện thuộc về thứ hạng, đẳng cấp hay chất lượng.

Có thể nói rằng, Việt Nam học là một lĩnh vực nghiên cứu đặc thù; nét khu biệt của nó nằm ở đối tượng nghiên cứu, phương pháp tiếp cận và cả ở mục tiêu đạt đến. Cái đích của ngành khoa học này không phải là các sự vật, hiện tượng hiện hữu dưới hình thái cụ thể nào đó, mà là những giá trị, tính chất được hàm chứa trong đó. Nghiên cứu Việt Nam (hay quốc học) do vậy bao giờ cũng phụ thuộc vào nhãn quan và tâm thế của người nghiên cứu. Điều đó cũng có nghĩa luôn tồn tại những cách thức tiếp cận khác nhau. Một hình ảnh chân thật về Việt Nam không bao giờ có được nếu chỉ tiếp cận bó hẹp trong một phạm vi (dù là chuyên sâu hay liên ngành); không bao giờ có thể hiểu được Việt Nam nếu chỉ nhìn từ một góc độ. Trong điều kiện hiện nay, cách hành xử khôn ngoan nhất có lẽ là nhắm đến một sự điều chỉnh sao cho đạt đến sự dung hòa, hợp lý chứ không phải là cố gắng để tạo ra (hay theo đuổi) một chuẩn mực sẵn có nào.

